

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1920/2018/DS-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Vũ Cường
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị N - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2348/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2018/QĐXXST-DS ngày 15/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2018/QĐST-DS ngày 05/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Vincom Centre, số 72 đường B, Phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Anh V

Giấy ủy quyền số 161/2017/EIB/UQ-SG-PXL ngày 31/7/2017 (ông Việt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà N; địa chỉ: Số A đường X, P C, QBT, Thành phố Hồ Chí Minh (bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2017, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng) trình bày: Ngày 13/11/2015, Ngân hàng và bà N đã ký hợp đồng tín dụng số 2206-LAV-201500251 cho bà N vay số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất là 10%/năm. Sau khi ký hợp đồng bà N đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2206 -LDS-201500347 ngày 13/11/2015.

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng trên là 01 xe Kia Morning, biển số 51F-521.49, số khung RNYTB51M5FC066566, số máy G4LAFP121159 do bà N làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 119040 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2015. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số

196/EIB-PXL/TCTS/2015 ngày 24/11/2015, công chứng tại Phòng công chứng số 6 số 34907 quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số 1197893311 ngày 25/11/2015. Hiện tại, chiếc xe Kia Morning, biển số 51F-521.49, số khung RNYTB51M5FC066566, số máy G4LAFP121159 do bà N đang quản lý, sử dụng. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 119040 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2015 chủ sở hữu là bà N.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng tín dụng trên, đến ngày bà N trả được nợ gốc: 11.520.000 đồng, nợ lãi: 6.011.411 đồng, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và gửi công văn thông báo với khách hàng đề nghị thu hồi nợ. Tuy nhiên, bà N vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngày 16/03/2016, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/9/2018, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền: 291.562.679 đồng, trong đó: Nợ gốc: 218.480.000 đồng, lãi trong hạn: 64.261.828 đồng, lãi quá hạn: 8.820.851 đồng. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở trả nợ nhưng bà N không trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc bà N thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ nợ phát sinh tính đến ngày 28/9/2018 là 291.562.679 đồng (hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 218.480.000 đồng, lãi trong hạn: 64.261.828 đồng, lãi quá hạn: 8.820.851 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực. Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 29/9/2018 cho đến khi bà N trả nợ xong theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp bà N không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì phát mãi các tài sản thế chấp là 01 xe Kia Morning, biển số 51F-521.49, số khung RNYTB51M5FC066566, số máy G4LAFP121159 do bà N làm chủ sở hữu theo giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 119040 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2015, tài sản thế chấp hiện do bà N đang quản lý sử dụng để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Trường hợp phát mãi tài sản không thu hồi đủ nợ thì bà N tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi xong nợ.

Khi thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), bà N đang độc thân, do vậy phía Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình bà N chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn là bà N: Bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, Điều 299 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX chấp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của Ngân hàng N về việc buộc bà N phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 28/9/2018 là 291.562.679 đồng (hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 218.480.000 đồng, lãi trong hạn: 64.261.828 đồng, lãi quá hạn: 8.820.851 đồng, làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2018 cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 2206-LAV-201500251 và hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2206 -LDS-201500347 ngày 13/11/2015, Ngân hàng đã cho bà N vay số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày 13/11/2015 đến ngày 13/11/2020, nợ gốc được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng. Số tiền trả mỗi kỳ là 3.840.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 16/11/2015, kỳ trả nợ cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay. Lãi suất là 10%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu, lãi suất cho vay từ tháng thứ 13 trở đi sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần và bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng (lãi cuối kỳ) cộng 4%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Thực hiện hợp đồng bà N đã thanh toán nợ gốc được trả là 11.520.000 đồng, nợ lãi: 6.011.411 đồng. Từ ngày 16/03/2016 đến nay, bà N không trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng và mục 5.1 của hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005. Ngân hàng đã chuyển số nợ không thanh toán đúng hạn sang nợ quá hạn và thu hồi các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán là đúng quy định tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng, mục 2, mục 5.3 của Phụ lục hợp đồng.

Căn cứ bảng tổng hợp nợ vay và bảng chiết tính lãi vay ngày 28/9/2018, thì bà N còn nợ của Ngân hàng số tiền là: 291.562.679 đồng (hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 218.480.000 đồng, lãi trong hạn: 64.261.828 đồng, lãi quá hạn: 8.820.851 đồng.

Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 về

lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà N giao tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu xe Kia Morning, biển số 51F-521.4914 cho cơ quan hành án có thẩm quyền phát mãi để thi hành án trong trường hợp bà N không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ và yêu cầu bà N phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại nếu giá trị tài sản phát mãi không đủ để thi hành án, hội đồng xét xử thấy: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký xe Ô tô số 119040 cấp ngày 12/11/2015 bà N là chủ sở hữu xe Kia Morning, biển số 51F-521.4914 Số khung RNYTB51M5FC066566, số máy G4LAFP121159 do bà N làm chủ sở. Căn cứ Hợp đồng thế chấp số 196/EIB-PXL/TCTS/2015 ngày 24/11/2015 bà N đã thế chấp xe ô tô Kia Morning, biển số 51F-521.4914 cho Ngân hàng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng số 2206-LAV-201500251 và hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2206 -LDS-201500347 ngày 13/11/2015, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Phòng công chứng số 6 số 34907 quyền số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/11/2015, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận số 1197893311 ngày 25/11/2015. Căn cứ các điều 9, 10, 11, 12 của Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, hợp đồng thế chấp số 64/2015/EIBLTT-TC ngày 02/4/2015 có hiệu lực pháp luật và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các thỏa thuận của hợp đồng và căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 351, Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 64/2015/EIBLTT-TC ngày 02/4/2015, trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì tài sản bảo đảm được bán đấu giá theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ; tiền bán tài sản bảo đảm được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ cho bên nhận bảo đảm sau khi trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí cần thiết khác có liên quan để xử lý tài sản, nếu tiền bán còn thiếu thì bà N có nghĩa vụ phải trả tiếp phần còn thiếu đó.

Đối với bị đơn là bà N: Bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, thì việc bà N nợ tiền của Ngân hàng và không thanh toán cho nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nên yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh về việc chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 291.562.679 đồng (hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 218.480.000 đồng, lãi trong hạn: 64.261.828 đồng, lãi quá hạn: 8.820.851 đồng làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2018 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng không phải nộp án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 299 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng N

Tuyên xử:

1. Buộc bà N phải trả cho Ngân hàng N số tiền 291.562.679 đồng (hai trăm chín mươi một triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 218.480.000 đồng, lãi trong hạn là 64.261.828 đồng, lãi quá hạn là 8.820.851 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà N phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng N tiền lãi đối với số tiền gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 2206-LAV-201500251 ngày 13/11/2015 và hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2206 - LDS-201500347 ngày 13/11/2015 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì bà N phải giao tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu Kia Morning, số khung RNYTB51M5FC066566, số máy G4LAFP121159, biển số 51F-521.4914 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2015 cho chủ sở hữu là bà Đỗ Thúy N cho cơ quan thi hành án phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng N sau khi trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí cần thiết khác có liên quan để xử lý tài sản phát mãi; nếu tiền phát mãi tài sản thế chấp còn thừa thì sẽ trả lại cho bà N; nếu còn thiếu thì bà N có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến khi hết nợ.

Ngay sau khi bà N thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán thì việc thế chấp tài sản chấm dứt. Ngân hàng N phải yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp và phải trả cho bà N bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 119040 do Phòng Cảnh sát giao thông Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2015 cho chủ sở hữu là bà N.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 14.578.134 đồng (mười bốn triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm ba mươi bốn đồng) bà N phải nộp.

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 6.370.000 đồng (sáu triệu, ba trăm, bảy mươi ngàn đồng) cho Ngân hàng N theo biên lai thu số 0003439 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N, bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Yến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA